

Số : 32 /KH-NK

Quận 12, ngày 19 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện 3 công khai
Năm học 2023 - 2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT- BGDDT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến lập Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2023-2024 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh hoàn thành bậc tiểu học (theo Biểu mẫu 06).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.



d) Kiểm định nhà trường:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 08).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường: <https://.thnguyenkhuyenq12.chm.vn>
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Thực hiện 4 kiểm tra

- Ban thanh tra nhân dân thường xuyên giám sát về việc tuyển dụng giáo viên, mua sắm, sửa chữa CSVC, chi chế độ cho CB - GV - NV, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm học.

- Lập biên bản niêm yết công khai và biên bản kết thúc công khai

V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm:

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2023-2024 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023-2024 cho phòng Giáo dục và Đào tạo trước 01/10/2023.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có).

2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công khai trong nhà trường:

Phân công nhiệm vụ các công việc có nội dung công khai thực hiện theo đúng quy định về thời gian công khai và hình thức thực hiện.

2.1. Phó hiệu trưởng:

- Hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 06: Công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

- Phối hợp với văn thư công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (biểu 08).

2.2. Kế toán và nhân viên thiết bị: Phụ trách CSVC và thiết bị dạy học thực hiện công khai về CSVC theo (biểu số 07).

2.3. Kế toán thực hiện:

- Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.
- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.
- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.
- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.
- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.
- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có).

2.4. Thanh tra nhân dân:

Có trách nhiệm thanh tra các quỹ đúng thời gian, công khai vào phiên Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và niêm yết tại văn phòng nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Q12 (để báo cáo);
- Công khai văn phòng trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Khưu Trọng Đan

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 32 KH-NK ngày 19 tháng 10 năm 2023 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo kế hoạch, độ tuổi quy định	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4	Hoàn thành chương trình lớp 5
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT2018.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình THCS

Quận 12, ngày 19 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trọng Đan

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 – 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 20/KH-NK ngày 12 tháng 10 năm 2023 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1038	208	211	209	202	208
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1038	208	211	209	202	208
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	891	186	189	180	161	175
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	146	21	22	29	41	33
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1038	208	211	209	202	208
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	642	164	146	129	109	94
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	389	38	65	79	93	114
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	7	6	/	1	/	/
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1038	208	211	209	202	208
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1038	202	211	208	202	208
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	549	147	132	90	102	78
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	143	15	04	20	38	66
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	07	06	/	01	/	/

Quận 12, ngày 12 tháng 10 năm 2023



HIỆP TRƯỞNG

Khuyến Trọng Đan

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023 – 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-NK ngày 19 tháng 10 năm 2023 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	Số 5.53 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	5411	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2928	
VI	Tổng diện tích các phòng	2316	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	72
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	540
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	2	96
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	48
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	2	120
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	24
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật tại học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	6	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	6	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ/lớp

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	40	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/dầu đĩa	4	
4	Máy chiếu Overhead/projector/vật thể	2	
5	Bảng tương tác	3	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	250

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4		4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 12, ngày 14 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGUYỄN KINH DIỆN
 Khuu Trọng Đan



THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2023 – 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 32 KH-NK ngày 19 tháng 10 năm 2023 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-TN ngày 19 tháng 10 năm 2023 của trường Tiểu học Nguyễn Huệ)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	59		1	41	7	3	7	13	16	20	41	08		
I	Giáo viên	46			41	4	1		10	16	20	38	08		
	Trong đó:														
1	Số giáo viên nhiều môn	30			28	1	1		5	10	16	25	6		
2	Ngoại ngữ	6			5	1			2	2	2	5	1		
3	Tin học	2			2				2			2			
4	Âm nhạc	2			1	1				2		2			
5	Mỹ thuật	2			1	1				2		2			
6	Thể dục	3			3				1		2	2	1		
II	Cán bộ quản lý	2		2	1						2	2			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	11			1		3	7							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Nhân viên y tế	1					1								
4	Nhân viên thư viện	1					1								
5	Nhân viên thiết bị														
6	Nhân viên phục vụ	4						4							
7	Nhân viên bảo vệ	3						3							

Quận 12, ngày 19 tháng 10 năm 2023



Khuyến Trọng Đan